

Mẫu số 01/QĐ

TỔNG CỤC THUẾ
CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

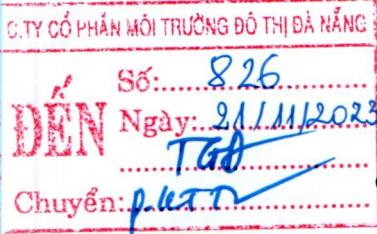
Số: 6169 /QĐ-CTDAN

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 11 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc xử phạt vi phạm hành chính về thuế

CỤC TRƯỞNG CỤC THUẾ THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG



Căn cứ Điều 57, Điều 68, Điều 70, Điều 78, Điều 85 Luật Xử lý vi phạm hành chính (sửa đổi, bổ sung năm 2020);

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006, Luật số 21/2012/QH13 ngày 20/11/2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 và Luật số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019; và các văn bản hướng dẫn;

Căn cứ Nghị định số 118/2021/NĐ-CP ngày 23/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế, hóa đơn;

Căn cứ Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính về thuế và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế;

Căn cứ Quyết định số 1836/QĐ-BTC ngày 08/10/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Thuế trực thuộc Tổng cục Thuế;

Căn cứ Biên bản thanh tra lập ngày 31/10/2023 giữa Cục Thuế TP. Đà Nẵng (Đoàn Thanh tra thuộc phòng Thanh tra – Kiểm tra 1) và Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 5647/QĐ-CTDAN ngày 30/12/2022 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng về việc ủy quyền ký quyết định hoàn thuế, miễn thuế, giảm thuế và giao quyền xử phạt vi phạm hành chính về thuế;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Thanh tra- Kiểm tra 1.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xử phạt vi phạm hành chính đối với:

1. Tên tổ chức vi phạm: Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng.

Địa chỉ trụ sở chính: 471 Núi Thành, phường Hoà Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

Giấy CNĐKKD số 0400228640;

Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp lần đầu ngày 24/6/2010 (thay đổi lần thứ 3, ngày 12/12/2018);

Mã số thuế: 0400228640;

Người đại diện theo pháp luật: Võ Minh Đức; Giới tính: Nam;

Chức danh: Tổng Giám đốc.

2. Đã có các hành vi vi phạm hành chính:

- Khai sai các nội dung trong hồ sơ khai thuế GTGT từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019, tháng 01/2020, tháng 02/2020 và từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 không dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp và khai sai các nội dung trong hồ sơ khai thuế TNCN năm 2019 và năm 2020 nhưng không dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn là hành vi vi phạm thủ tục thuế nêu tại khoản 1 Điều 103 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 và khoản 1.d Điều 141 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

- Khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT, TNDN phải nộp năm 2019, năm 2020.

- Khai sai các nội dung trong hồ sơ khai thuế TNCN năm 2019 và năm 2020 nhưng không dẫn đến tăng số tiền thuế được hoàn.

3. Hành vi vi phạm hành chính quy định tại: Khoản 1, khoản 3 Điều 103 Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29/11/2006 của Quốc hội; khoản 1 Điều 141, khoản 1 Điều 142 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

4. Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

a) Các tình tiết giảm nhẹ: Không.

b) Các tình tiết tăng nặng: Không.

5. Các tình tiết liên quan đến việc giải quyết vi phạm: Không xử phạt vi phạm hành chính đối với hành vi khai sai các nội dung trong hồ sơ khai thuế GTGT nhưng không dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp từ tháng 01/2019 đến tháng 12/2019, tháng 01/2020, tháng 02/2020 và từ tháng 6/2020 đến tháng 12/2020 và khai sai các nội dung trong hồ sơ khai thuế TNCN nhưng không dẫn đến tăng số tiền thuế TNCN được hoàn năm 2019, 2020 do đã quá thời hiệu xử phạt theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 và khoản 2 Điều 8 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ.

6. Bị áp dụng hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

a) Hình thức xử phạt chính:

- Phạt tiền đối với hành vi khai sai dẫn đến thiếu số tiền thuế GTGT phải nộp của các tháng: 01/2019, 5/2019, 8/2019, 11/2019, 02/2020, 4/2020, 9/2020,

11/2020, 12/2020 và thuế TNDN phải nộp năm 2019, 2020 (theo tỷ lệ 20% trên số tiền thuế kê khai thiếu) theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và khoản 1 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ với số tiền: 12.778.611 đồng (63.893.055 đồng x 20%), trong đó: Phạt khai sai thuế GTGT: 6.442.631 đồng, phạt khai sai thuế TNDN: 6.335.980 đồng.

Thời hạn thực hiện xử phạt vi phạm hành chính: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

b) Hình thức xử phạt bổ sung: Không

c) Biện pháp khắc phục hậu quả:

- Buộc nộp đủ số tiền thuế thiếu do khai sai thuế GTGT, TNDN vào ngân sách nhà nước theo quy định tại khoản 4 Điều 10 Nghị định số 129/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính phủ và khoản 2 Điều 16 Nghị định 125/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ, số tiền thuế: 63.893.055 đồng, trong đó:

+ Thuế GTGT năm 2019: 1.737.455 đồng (Tháng 01/2019: 1.602.455 đồng, tháng 5/2019: 45.000 đồng, tháng 8/2019: 45.000, tháng 11/2019: 45.000 đồng); thuế GTGT năm 2020: 30.475.702 đồng (tháng 02/2020: 45.000 đồng, tháng 4/2020: 45.000 đồng, tháng 9/2020: 45.000 đồng, tháng 11/2020: 28.158.884 đồng, tháng 12/2020: 2.181.818 đồng).

+ Thuế TNDN: năm 2019: 790.970 đồng, năm 2020: 30.888.928 đồng.

- Tiền chậm nộp trên số tiền thuế truy thu do kê khai sai theo Khoản 2.a Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội là: 19.236.238 đồng (bảng kê chi tiết đính kèm).

Số tiền chậm nộp tiền thuế nêu trên được tính đến hết ngày 19/10/2023, Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng có trách nhiệm tự xác định và nộp tiền chậm nộp kể từ ngày 20/10/2023 đến ngày liền kề trước ngày đã nộp vào NSNN theo quy định tại Khoản 2.a Điều 59 Luật Quản lý thuế số 38/2019/QH14 ngày 13/6/2019 của Quốc hội.

Tổng số tiền thuế, tiền phạt và tiền chậm nộp phải nộp vào ngân sách nhà nước qua thanh tra là: 95.907.904 đồng.

(Bằng chữ: Chín mươi lăm triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn, chín trăm lẻ bốn đồng).

Thời hạn thực hiện biện pháp khắc phục hậu quả: Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày nhận được Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Quyết định này được:



1. Giao cho Ông: **Võ Minh Đức**, Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng để chấp hành.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng phải nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định xử phạt này. Nếu quá thời hạn đã ghi tại Điều 1 mà Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng không tự nguyện chấp hành thì sẽ bị cưỡng chế thi hành theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng phải nộp tiền thuê truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp quy định tại Điều 1 vào tài khoản số 7111 mở tại Kho Bạc Nhà nước Đà Nẵng, cơ quan quản lý thu Cục Thuế thành phố Đà Nẵng thông qua phương tiện điện tử theo quy định của Pháp luật về giao dịch điện tử <https://nopthue.gdt.gov.vn> hoặc <http://thuendienst.gdt.gov.vn> như sau:

- + Truy thu thuế GTGT: Chương 558, Tiểu mục 1701, số tiền: 32.213.157 đồng;
- + Truy thu thuế TNDN: Chương 558, Tiểu mục 1052, số tiền: 31.679.898 đồng;
- + Tiền phạt khai sai thuế GTGT, TNDN: Chương 558, Tiểu mục 4254, số tiền: 12.778.611 đồng;
- + Tiền chậm nộp thuế GTGT: Chương 558, Tiểu mục 4931, số tiền: 10.300.956 đồng;
- + Tiền chậm nộp thuế TNDN: Chương 558, Tiểu mục 4918, số tiền: 8.935.282 đồng.

Nếu quá thời hạn nêu trên mà Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng không chấp hành quyết định xử phạt thì sẽ bị cưỡng chế thi hành quyết định hành chính theo quy định của pháp luật.

Công ty Cổ phần Môi trường Đô thị Đà Nẵng có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện đối với Quyết định này theo quy định của pháp luật.

2. Gửi cho Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng để thu tiền phạt.
3. Gửi cho Trưởng phòng Thanh tra - Kiểm tra 1 để tổ chức thực hiện.
4. Gửi cho Trưởng phòng Kế khai và Kế toán thuế, Trưởng phòng Quản lý nợ và Cưỡng chế nợ thuế để biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Phòng NVDTPC;
- Lưu: VT, TTKT1 (03 bản).

**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG**



Lưu Đức Sáu

BẢNG KÊ CHI TIẾT TIỀN THUẾ TRUY THU, TIỀN PHẠT, TIỀN CHẬM NỘP TIỀN THUẾ

(Kèm theo Quyết định xử phạt số: /QĐ-CTDAN ngày tháng năm 2023 của Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đà Nẵng)

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Từ ngày	Đến ngày	Số ngày chậm nộp	Số tiền thuế truy thu	Tỷ lệ áp dụng	Tiền chậm nộp	Tiền phạt	Tổng số tiền
(2)	(3)	(4)	(5)=(4)-(3)+1	(6)	(7)	(8)=(5)*(6)*(7)	(9)=(6)*(7)	(10)
Tổng số tiền thuế truy thu, tiền phạt, tiền chậm nộp tiền thuế								95.907.904
Số thuế truy thu				63.893.055				63.893.055
Thuế GTGT				32.213.157				32.213.157
Thuế TNDN				31.679.898				31.679.898
Tiền phạt							12.778.611	32.014.849
Phạt khai sai							12.778.611	12.778.611
Thuế GTGT				32.213.157	20%		6.442.631	6.442.631
Thuế TNDN				31.679.898	20%		6.335.980	6.335.980
Tiền chậm nộp						19.236.238		19.236.238
Thuế TNDN (Quyết toán thuế năm 2019)	31/03/2020	19/10/2023	1298	790.970	0,03%	308.004		308.004
Thuế TNDN (Quyết toán thuế năm 2020)	02/04/2021	19/10/2023	931	30.888.928	0,03%	8.627.278		8.627.278
Thuế GTGT năm 2019				1.737.455		878.545		878.545
Tháng 01/2019	21/02/2019	19/10/2023	1702	1.602.455	0,03%	818.214		818.214
Tháng 5/2019	21/06/2019	19/10/2023	1582	45.000	0,03%	21.357		21.357
Tháng 8/2019	22/09/2019	19/10/2023	1489	45.000	0,03%	20.102		20.102
Tháng 11/2019	22/12/2019	19/10/2023	1398	45.000	0,03%	18.873		18.873
Thuế GTGT năm 2020				30.475.702		9.422.411		9.422.411
Tháng 02/2020	22/03/2020	19/10/2023	1307	45.000	0,03%	17.645		17.645
Tháng 4/2020	22/05/2020	19/10/2023	1246	45.000	0,03%	16.821		16.821
Tháng 9/2020	22/10/2020	19/10/2023	1093	45.000	0,03%	14.756		14.756
Tháng 11/2020	22/12/2020	19/10/2023	1032	28.158.884	0,03%	8.717.990		8.717.990
Tháng 12/2020	22/01/2021	19/10/2023	1001	2.181.818	0,03%	655.200		655.200

